**Tiết 105: ÔN TẬP HỌC KÌ II**

**1. Hoạt động 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế cho học sinh trước khi vào tiết học.

**b. Nội dung:** HS chơi trò chơi **“Hiểu ý đồng đội”** để hệ thống các văn bản, kiến thức đã học trong đầu học kì 2.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của các nhóm

**d. Tổ chức hoạt động**

**\* Giao nhiệm vụ:**

- GV chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm có 2 thành viên.

- 1 bạn bắt thăm tên văn bản đã được học trong 3 chủ đề kì 2, sau đó dùng hành động, cử chỉ để thể hiện tên VB cho bạn mình đoán được.

- Mỗi lượt đoán có 30s, hết 30s đội nào không đoán được thì mất lượt và không được điểm.

- Kết thức các lượt thi, đội nào giành nhiều điểm nhất đội đó chiến thắng.

**\* Thực hiện nhiệm vụ**: Hs chơi trò chơi.

**\* Báo cáo, thảo luận**: Hs đoán tên Vb đã học.

**\* Kết luận, nhận định**: GV nhận xét, vào bài.

**2. Hoạt động 2: ÔN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- Thực hiên hoạt động nhóm hệ thống kiến thức đã học trong 3 chủ đề đầu của học kì 2.

- Hệ thống kiến thức kĩ năng về văn bản, về tiếng Việt, viết, nói và nghe đã học

- Viết được bài văn trình bày về 1 vấn đề đời sống.

**b. Nội dung:** Ôn tập kiến thức thông qua các câu hỏi, phiếu học tập.

**c. Sản phẩm:** phiếu học tập, câu trả lời của HS

**d.Tổ chức thực hiện:**

**2.1. ÔN TẬP PHẦN ĐỌC VÀ TIẾNG VIỆT**

**\* Giao nhiệm vụ:**

**+ Nhiệm vụ 1: Ôn tập phần đọc**

- GV trình chiếu mẫu PHT, yêu cầu học sinh dựa vào kiến thức đã học trong 3 chủ đề đầu của học kì 2, hoàn thành PHT.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thể loại** | **Đặc điểm** | |
| **Nghị luận xã hội** | Khái niệm |  |
| Đặc điểm |  |
| **Tục ngữ** | Khái niệm |  |
| Đặc điểm |  |

*Dự kiến sản phẩm*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thể loại** | **Đặc điểm** | |
| **Nghị luận xã hội** | **Mục đích** | - Bàn về một sự việc hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội.  - Một vấn đề về tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người. |
| **Đặc điểm** | - Thể hiện rõ quan điểm, ý kiến khen chê đồng tình, phản đối  - Lí lẽ,bằng chứng thuyết phục.  - Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí. |
| **Tục ngữ** | **Khái niệm** | - Thể loại sáng tác dân gian  - Thể hiện những kinh nghiệm của nhân dân về thiên nhiên, thời tiết, lao động sản xuất, con người, xã hội |
| **Đặc điểm** | - Kết cấu ngắn gọn  - Có vần lưng  - Có nhịp điệu, hình ảnh  - Cấu trúc: có các vế đối xứng  - Thường đa nghĩa nhờ sử dụng BPTT |

**+ Nhiệm vụ 2: Ôn tập phần Tiếng Việt**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Liên kết trong VB** | Phép lặp  từ ngữ | | Lặp lại ở câu đứng sau các từ ngữ đã có ở câu đứng trước |
| Phép thế | | Sử dụng ở các câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu trước. |
| Phép nối | | Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu đứng trước. |
| Phép liên tưởng | | Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước. |
| **Đặc điểm và chức năng của thành ngữ, tục ngữ** | Thành ngữ | Đặc điểm | - Nghĩa của thành ngữ là nghĩa của cả tập hợp từ, có tính hình tượng và biểu cảm. |
| Chức năng | - Trong giao tiếp: Làm cho lời nói, câu văn giàu hình ảnh, cảm xúc.  - Trong câu: làm bộ phận hoặc thành phần phụ trong câu. |
| Tục ngữ | Đặc điểm | - Diễn đạt trọn vẹn một ý |
| Chức năng | - Tăng thêm độ tin cậy, sức thuyết phục về 1 nhận thức hay 1 kinh nghiệm. |
| **Nói quá, nói giảm, nói tránh** | Nói quá | Khái niệm | - Phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự việc, hiện tượng. |
| Tác dụng | - Gây ấn tượng mạnh, tăng sức biểu cảm. |
| Nói giảm, nói tránh | Khái niệm | - Dùng cách diễn đạt tế nhị, lịch sự. |
| Tác dụng | - Tránh gây cảm giác đau buồn, ghê sơj.  - Tránh thô tục, thiếu lịch sự. |

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS làm việc nhóm, thực hiện nhiệm vụ.

**\* Báo cáo:**

- HS đại diện các nhóm báo cáo, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung, góp ý.

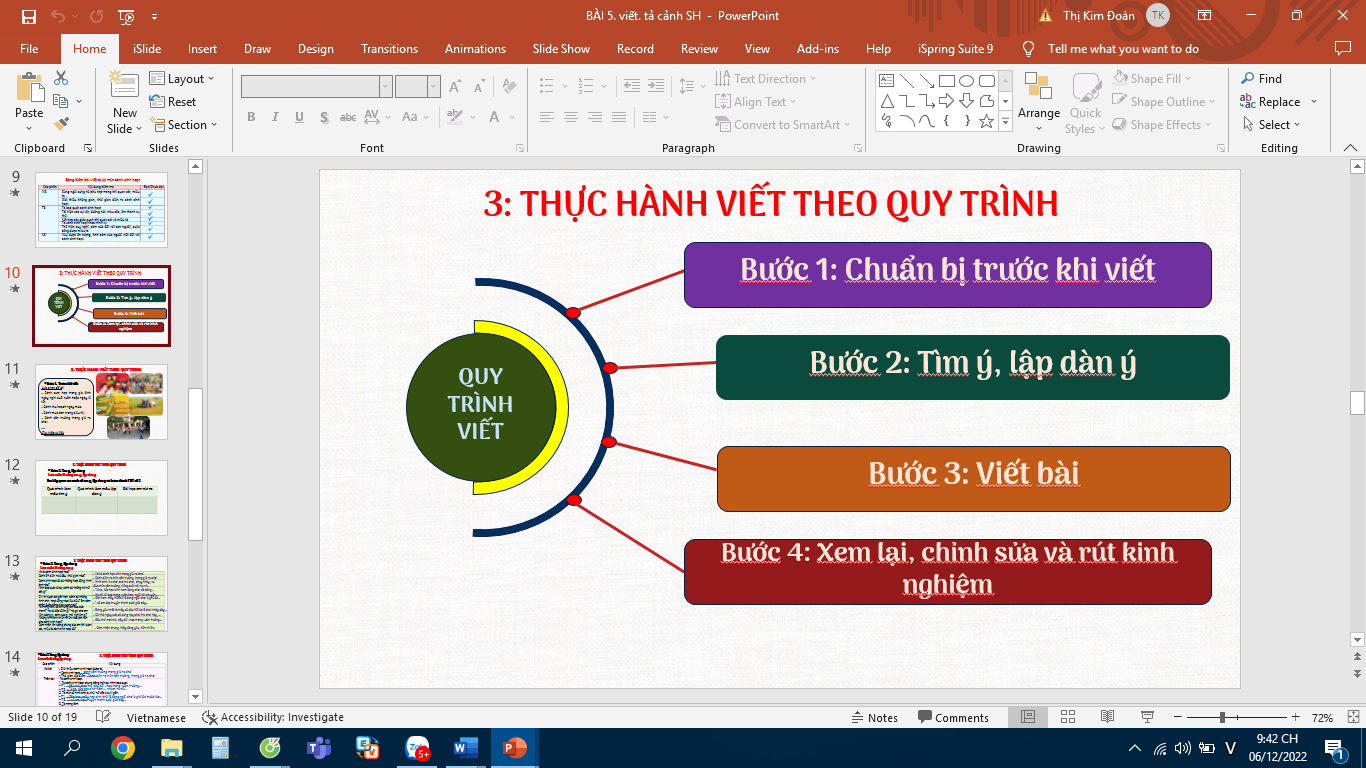
**\* Đánh giá, nhận xét:**

- Giáo viên tổng hợp, kết luận.

**2.2. ÔN TẬP PHẦN VIẾT**

**\* Giao nhiệm vụ:**

**+ Nhiệm vụ 1: Yêu cầu hs nhắc lại quy trình viết:**



**+ Nhiệm vụ 2: Nhắc lại dàn ý của các kiểu bài**

- Bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống:

|  |  |
| --- | --- |
| **Mở bài** | **- Vấn đề tôi cần bàn luận là**: ….  **- Ý kiến của tôi là**: …. |
| **Thân bài** | **1. Giải thích:**  - Giải thích những từ ngữ, khái niệm quan trọng.  - Nếu bài viết bàn về 1 câu tục ngữ, câu danh ngôn thì cần giải thích ý nghĩa của cả câu.  **2. Bàn luận**  **-** Khẳng định ý kiến tán thành hoặc phản đối của người viết về vấn đề.  - Lí lẽ.  - Bằng chứng.  **3. Lật lại vấn đề**  - Nhìn nhận vấn đề ở chiều hướng ngược lại, trao đổi với ý kiến trái chiều, đánh giá những ngoại lệ, bổ sung ý cho vấn đề thêm toàn vẹn. |
| **Kết bài** | - Khẳng định lại ý kiến  - Đề xuất giải pháp  - Bài học nhận thức và phương hướng hành động. |

**3. Hoạt động 3: THỰC HÀNH LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu: Sau hoạt động này, HS có thể:**

- Thực hiên vận dụng kiến thức đã học để luyện đề liên quan bài 6,7

- Hệ thống kiến thức kĩ năng về văn bản, về tiếng Việt, viết để làm đề tổng hợp.

**b. Nội dung:** Hs làm bài tập

**c. Sản phẩm:** Bài tập đã hoàn thiện của hs

**d.Tổ chức thực hiện:**

***- Chuyển giao nhiệm vụ học tập qua đề luyện tập:***

**I. ĐỌC HIỂU**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

**THỜI GIAN LÀ VÀNG**

Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.

Thật vậy, thời gian là sự sống. Bạn vào bệnh viện mà xem, người bệnh nặng, nếu kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.

Thời gian là thắng lợi. Bạn hỏi các anh bộ đội mà xem, trong chiến đấu, biết nắm thời cơ, đánh địch đúng lúc là thắng lợi, để mất thời cơ là thất bại.

Thời gian là tiền. Trong kinh doanh, sản xuất hàng hóa đúng lúc là lãi, không đúng lúc là lỗ.

Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.

Thế mới biết, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội. Bỏ phí thời gian thì có hại và về sau hối tiếc cũng không kịp.

*(Theo Phương Liên - Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam,2007, tr 36-37)*

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1:** Văn bản “*Thời gian là vàng*” thuộc loại văn bản nào?

A. Văn bản biểu cảm

B. Văn bản nghị luận

C. Văn bản tự sự

D. Văn bản thuyết minh

**Câu 2:** Trong văn bản trên người viết đã đưa ra mấy ý kiến để nêu lên giá trị của thời gian?

A. 7 B. 6

C. 5 D. 4

**Câu 3:** Từ ngữ in đậm trong đoạn văn dưới đây được sử dung theo hình thức liên kết nào?

*“Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng.* ***Nhưng*** *vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.”*

A. Phép lặp

B. Phép thế

C. Phép nối

D. Phép liên tưởng

**Câu 4:** Trong văn bản trên người viết đã bày tỏ thái độ đồng tình với vấn đề được bàn luận. Đúng hay sai?

A. Đúng B. Sai

**Câu 5:** Nhận định nào không đúng khi nói về dấu hiệu nhận biết văn bản “Thời gian là vàng” là bàn về một vấn đề đời sống?

A. Người viết thể hiện rõ ý kiến dối với vấn đề cần bàn bạc

B. Trình bày những ý kiến, lí lẽ, bằng chứng cụ thể

C. Bài viết ngắn gọn súc tích, thể hiện rõ tình cảm của người viết

D. Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

**Câu 6:** Nội dung chính trong văn bản trên là gì?

A. Khẳng định giá trị của thời gian đối với con người

B. Khẳng định giá trị của vàng đối với con người

C. Phải biết tận dụng thời gian trong công việc.

D. Ý nghĩa của thời gian trong kinh doanh, sản xuất

**Câu 7:** Xác định phép lập luận trong văn bản trên.

A. Phép lập luận chứng minh, giải thích

B. Phép lập luận phân tích và chứng minh

C. Phép liệt kê và đưa số liệu

D. Trình bày khái niệm và nêu ví dụ

**Câu 8:** Ý nào đúng khi nói về “**giá trị của thời gian là sự sống**” từ văn bản trên?

A. Biết nắm thời cơ, mất thời cơ là thất bại.

B. Kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.

C. Sự sống con người là vô giá, phải biết trân trọng

D. Phải kiên trì, nhẫn nại mới thành công.

**Câu 9:** Thông điệp nào của văn bản trên có ý nghĩa nhất với em? Vì sao?

**Câu 10.**Qua văn bản trên em rút ra bài học gì về việc sử dụng thời gian

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Viết một bài văn trình bày ý kiến của em về vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.

**Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

- Hs làm việc cá nhân đọc đề, suy nghĩ các câu hỏi trắc nghiệm.

- Làm việc nhóm, trao đổi câu trả lời cho các câu hỏi tự luận.

**Báo cáo kết quả THNVHT:**

- GV chốt đáp án trắc nghiệm. HS chấm chéo. GV giảng giải thêm những câu khó, HS sai nhiều.

- Gọi đại diện các nhóm lần lượt trả lời các câu hỏi tự luận (các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá, bổ sung)

**Đánh giá kết quả THNVHT:**

- Gv nhận xét kết quả của các cá nhân/ nhóm.

**\* Thực hiện nhiệm vụ**: Hs hoàn thành câu hỏi, bài tập

**\* Báo cáo:** Gọi hs trả lời, nhân xét chéo

**\* Đánh giá, nhận xét:** GV nhận xét, đánh giá, chữa bài

**HƯỚNG DẪN LÀM BÀI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
|  | **9** | Học sinh có thể chọn và lý giải giá trị của thời gian mà bản thân tâm đắc và phải lý luận sao cho có tính thuyết phục. | 1,0 |
|  | **10** | HS nêu được ít nhất 02 bài học rút ra được là về việc sử dụng thời gian:  Gợi ý:  - Cần sử dụng thời gian một cách hợp lí, có kế hoạch cho từng việc.  - Không nên lãng phí thời gian vì thời gian đã qua thì không thể lấy lại được. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận..*  Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề.*  *Nghị luận vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.* | 0,25 |
|  | c. Nghị luận về hiện tượng đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.  Học sinh có thể nghị luận theo nhiều các khác nhau nhưng vẫn đảm bảo được các yêu cầu sau: |  |
|  | - Nêu vấn đề cần nghị luận: *Vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.*  - Người viết tán thành ý kiến đã nêu.  - Sử dụng lí lẽ.  + Đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông là việc làm rất đúng đắn vì……….  - Nêu bằng chứng: xác thực (số liệu….)  - Kết hợp lí lẽ với bằng chứng  - Khẳng định lại sự tán thành ý kiến. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt | 0,5 |
|  | *e. Sáng tạo:* Bố cục mạch lạc, lí lẽ thuyết phục, dẫn chứng xác thực. | 0,5 |

**4. Hoạt động 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

- Vận dụng kiến thức đã học trong 3 chủ đề để hoàn thành câu hỏi, bài tập.

**b. Nội dung:**

**-** Viết bài văn nghị luận về 1 vấn đề đời sống.

**c. Sản phẩm:**

**-** Bài văn hoàn thiện của HS

**d.Tổ chức thực hiện:**

**\* Giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu hs hoàn thành bài văn nghị luận về 1 vấn đề đời sống.

\* Yêu cầu:

*a. Đảm bảo bố cục bài văn nghị luận gồm 3 phần MB, TB, KB.*

*b. Xác định đúng yêu cầu của đề*

Nghị luận về tư tưởng, đoạ lý: lòng trung thực.

*c. Sử dụng ý kiến, lí lẽ, bằng chứng thuyết phục, sắp xếp một cách hợp lý.*

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hs nghe hướng dẫn, thực hành hoàn thành bài viết bài ở nhà.

**\* Báo cáo:** Nộp bài để gv sửa vào tiết sau.

**\* Nhận xét, đánh giá:** GV nhận xét, đánh giá bài viết

**Tiết 106 - 107: KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**\* Ma trận:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | Kĩ năng | Nội dung/đơn vị kiến thức | Mức độ nhận thức | | | | | | | | Tổng  % điểm |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

\* **Chú thích:** Kĩ năng viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ sẽ được thể hiện ở Hướng dẫn chấm.

**\* Bản đặc tả:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | **Nhận biết:**  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu:**  - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; các biện pháp tu từ như: nói quá, nói giảm nói tránh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  - **Vận dụng:**  - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản. | 3TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20%*** | ***40%*** | ***30%*** | ***10%*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60%** | | **40%** | |

**\* Đề kiểm tra**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

*Ngoài ra, ranh giới giữa thói xấu và đức tốt chỉ là một sợi tóc. Ví dụ như thói ngạo mạn và lòng dũng cảm. Thói lỗ mãng và tính cương trực. Thói ngoan cố và lòng thành thực. Tính nông nổi và sự nhanh nhạy. Tố chất gốc tự nó không phải là xấu.*

*Tuy vậy, duy có một thứ, vốn dĩ tố chất gốc đã là xấu, cho nên bất cứ ở đâu, dù ở mức độ nào và nhằm mục đích ra sao, thì nó vẫn cứ là thói xấu. Thứ đó chính là tham lam.*

*Tham lam thường ngấm ngầm nảy sinh trong lòng. Tham vọng khiến người ta lập mưu tính kế hãm hại người khác nhằm thoả mãn sự ghen tức, hay xoa dịu nỗi bất hạnh của chính mình. Vì thế những kẻ ôm ấp lòng tham không hề đóng góp gì mà chỉ phá hoại hạnh phúc xã hội.*

*Ghen ghét, lường gạt, giả dối là những thói mà người ta thường gọi là lừa đảo bịp bợm. Đây là một thói đê tiện. Nhưng nó không phải là nguyên nhân đẻ ra sự tham lam. Ngược lại, phải thấy rằng chính tham lam đã sản sinh ra những thói đê tiện ấy mới đúng.*

*Tham lam là nguồn gốc của mọi thói xấu. Có thể nói: Không có thói xấu nào trong con người mà lại không xuất phát từ tham lam.*

*Thái độ cay cú ngờ vực, ghen tức, hèn nhát... cũng từ tham lam mà ra. Từ những hành vi thậm thụt, mật đàm, mưu mô cho đến việc lôi kéo bè cánh, ám sát, nổi loạn... tất cả đều phát sinh từ tham lam.*

*Trên phạm vi quốc gia, những tai hoạ do lòng tham gây ra khiến cho dân chúng đều trở thành nạn nhân. Khi đó thì mọi lợi ích công đều biến thành lợi ích riêng của một nhóm người.*

(Trích *Phần mười ba -* *Khuyến học,* Fukuzawa Yukichi,

Phạm Hữu Lợi dịch, NXB Dân trí năm 2014)

**Lựa chọn đáp án đúng** *(mỗi đáp án đúng được 0,5 điểm)*

**Câu 1:** Xác định thể loại của văn bản trên.

A. Văn bản biểu cảm

B. Văn bản nghị luận

C. Văn bản tự sự

D. Văn bản thuyết minh

**Câu 2:** Đoạn văn *“Tham lam là nguồn gốc của mọi thói xấu. Có thể nói: Không có thói xấu nào trong con người mà lại không xuất phát từ tham lam.”* sử dụng hình thức liên kết nào?

A. Phép liên tưởng

B. Phép thế

C. Phép lặp

D. Phép nối

**Câu 3:** Nhận định nào *không đúng* khi nói về dấu hiệu nhận biết văn bản trên là bàn về một vấn đề đời sống?

A. Người viết thể hiện rõ ý kiến đối với vấn đề cần bàn bạc

B. Trình bày những ý kiến, lí lẽ, bằng chứng cụ thể

C. Bài viết ngắn gọn súc tích, thể hiện rõ tình cảm của người viết

D. Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

**Câu 4:** Nghĩa của từ *tham vọng* được hiểu là:

A. Vơ vét, hám lợi

B. Sự ham muốn không biết chán.

C. Sự ham muốn vượt quá thực tế, khó có thể đạt được.

D. Lòng ham muốn, mong ước quá lớn, vượt quá xa khả năng thực tế, khó có thể đạt được.

**Câu 5:** Cho biết công dụng của dấu chấm lửng trong câu văn sau: *Thái độ cay cú ngờ vực, ghen tức, hèn nhát ... cũng từ tham lam mà ra.*

A. Còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết.

1. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng.

C. Làm giãn nhịp điệu câu văn

D. Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.

**Câu 6:** Trong văn bản trên, hành vi của kẻ tham lam được thể hiện như thế nào? Mưu mô, gian dối, lừa đảo, thường xuyên không nói đúng sự thật…

B.Thậm thụt, mật đàm, mưu mô cho đến việc lôi kéo bè cánh, ám sát,...

C. Thường lấy đồ của người khác khi họ không để ý làm của riêng cho mình.

D. Hay kết bè phái để chia rẽ, kéo cánh, làm những việc trái với lương tâm.

**Câu 7:** Vấn đề bàn luận trong văn bản là gì?

A. Bàn về lòng nhân ái

B. Bàn về tính trung thực

C. Bàn về lòng khiêm tốn

D. Bàn về tính tham lam

**Câu 8:**Trong đoạn văn *“Ngoài ra, ranh giới giữa thói xấu và đức tốt chỉ là một sợi tóc. Ví dụ như thói ngạo mạn và lòng dũng cảm. Thói lỗ mãng và tính cương trực. Thói ngoan cố và lòng thành thực. Tính nông nổi và sự nhanh nhạy. Tố chất gốc tự nó không phải là xấu.”*, tác giả đã dùng phép lập luận nào?

A. Giải thích B. Đối chiếu

C. Phân tích D. Phản đề

**Thực hiện các yêu cầu/ Trả lời câu hỏi:**

**Câu 9 (1,0 điểm):** Qua văn bản trên em rút ra bài học gì cho bản thân?

**Câu 10 (1,0 điểm):** Em có đồng ý với suy nghĩ của tác giả: *“Trên phạm vi quốc gia, những tai hoạ do lòng tham gây ra khiến cho dân chúng đều trở thành nạn nhân”* không? Vì sao?

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) bàn về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm.

**\* Hướng dẫn chấm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | Học sinh có thể tự do phát biểu suy nghĩ của mình, nêu được bài học phù hợp cho bản thân, có sức thuyết phục.  *Gợi ý:*  - Tham lam là một thói quen xấu, khiến con người ta ngày một xấu tính hơn, tham lam quá sẽ trở nên mù quáng, không biết đến giới hạn. Tham lam khiến chúng ta suy nghĩ mọi thứ theo hướng tiêu cực hóa.  - Là học sinh chúng ta cần rèn luyện tính trung thực, tiết kiệm, không tham lam bằng cách biết khống chế bản thân trước cám dỗ...  **Hướng dẫn chấm:**  - Học sinh trả lời thuyết phục, bài học phù hợp cho bản thân: 1,0 điểm.  - Học sinh trả lời còn sơ sài, bài học chưa cụ thể với thực tế bản thân: 0,75 điểm.  - Học sinh trả lời lan man, chưa đúng trọng tâm: 0,5 điểm  - Học sinh trả lời không đúng: không cho điểm. | 1,0 |
|  | **10** | HS nêu được ý kiến của mình: Đồng ý hoặc không đồng ý với ý kiến của tác giả. Lý giải hợp lí, có sức thuyết phục.  **Hướng dẫn chấm:**  - Học sinh trả lời hợp lí, thuyết phục: 1,0 điểm.  - Học sinh trả lời còn sơ sài: 0,5 điểm.  - Học sinh trả lời không đúng: không cho điểm. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | ***a*. *Yêu cầu về hình thức:***  *- Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.  - *Chính tả, ngữ pháp:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5  0,25 |
|  | ***b. Yêu cầu về nội dung:***  *\* Xác định đúng yêu cầu của đề*: suy nghĩ cá nhân đối với một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm. | 0,25 |
| *\* Đảm bảo đúng nội dung bài nghị luận:*  - Mở bài:  + Dẫn dắt vào vấn đề cần bàn luận.  + Nêu được cụ thể vấn đề sẽ bàn luận.  - Thân bài:  + Thể hiện rõ ràng ý kiến về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.  + Trình bày được ít nhất hai lý lẽ cụ thể để làm rõ ý kiến.  + Đưa ra được bằng chứng thuyết phục để củng cố cho lí lẽ.  + Sắp xếp các lý lẽ, bằng chứng theo một trình tự hợp lý.  - Kết bài:  + Khẳng định lại ý kiến của mình.  + Đề xuất những giải pháp  **Hướng dẫn chấm:**  - Trình bày đầy đủ, sâu sắc, lôgic, thuyết phục: 3,0 điểm  - Trình bày chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: từ 1,25 🡪 2,5 điểm.  - Trình bày không rõ ràng, không cụ thể: 0,5 điểm - 1,0 điểm | 3,0 |
|  |  | **Tổng điểm** | **10,0** |

**Tiết 108 + 109- VIẾT:**

**VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH**

**Hoạt động 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** tình huống trong đời sống

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS, trả lời câu hỏi của GV

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi và nêu các tình huống cho HS:

*?Em đã từng viết tường trình chưa? Trong trường hợp nào?*

*?Trong những tình huống sau, theo em tình huống nào cần viết tường trình*

*Tình huống 1: Bạn Vinh thường xuyên đi học muộn.*

*Tình huống 2: Trong giờ thực hành, em vô tình làm hỏng dụng cụ thí nghiệm*

*Tình huống 3: Lớp em muốn xin phép giáo viên chủ nhiệm tổ chức đi tham quan.*

*HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ của bản thân.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:Bài học hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu cách viết một văn bản tường trình..*

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Tìm hiểu các yêu cầu đối với cách viết một văn bản tường trình**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu đối với một văn bản tường trình**.**

**b. Nội dung:** các yêu cầu của văn bản tường trình

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Chuyển giao nhiệm vụ**

+ GV yêu cầu HS, dựa vào SGK hoạt động cặp đôi.

*+ V*ăn bản tường trình *là gì?*

*+ Quan sát mẫu văn bản tường trình trong SGK và cho biết khi viết văn bản tường trình cần đảm bảo những yêu cầu gì đối với kiểu văn bản?.*

+ HS thực hiện nhiệm vụ

**- Thực hiện nhiệm vụ.**

+ HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.

**- Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận.

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

***+ Khái niệm:*** *Tường trình là kiểu văn bản thông tin, trình bày tường tận, rõ ràng, đầy đủ về diễn biến của một sự việc “đã gây ra hậu quả và có liên quan đến người viết”, trong đó nêu rõ mức độ thiệt hại( nếu có) và xác định trách nhiệm của người viết đối với sự việc.*

***+ Yêu cầu đối với kiểu văn bản***

***- Về hình thức, bố cục cần có:***

*Phần mở đầu:*

*+ Quốc hiệu và tiêu ngữ.*

*+ Địa điểm, thời gian viết.*

*+ Tên văn bàn và tóm tắt sự việc tường trình*

*+ Người (cơ quan) nhận bản tường trình*

*+ Thông tin người viết tường trình*

***- Nội dung tường trình:***

*+ Diễn biến sự việc: Nguyên nhân- hậu quả- trách nhiệm.*

*Phần kết thúc :*

*Lời đề nghị, lời hứa, chữ ký và tên người viết tường trình.*

***- Về nội dung, thông tin cần bảo đảm***

*+ Số liệu, sự kiện chính xác, cụ thể.*

*+ Ghi chép trung thực, đầy đủ không suy diễn chủ quan.*

*+ Nội dung ghi chép phải có trọng tâm, trọng điểm.*

**2***.* **Phân tích ví dụ tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các đặc điểm của kiểu bài

**b. Nội dung:** đặc điểm của văn bản tường trình

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Chuyển giao nhiệm vụ**

+ GV yêu cầu HS đọc bài mẫu (SGK – trang 59) hoạt động nhóm các câu hỏi sau.

Gv chia 2 nhóm: + Nhóm 1, 2: câu 1, 2

+ Nhóm 3, 4: câu 3, 4, 5

*1. Xác định phần mở đầu, nội dung tường trình và kết thúc của văn bản trên?*

*2. Phần mở đầu của văn bản trên trình bày những nội dung gì?*

*3. Nội dung tường trình của văn bản trình bày những thông tin gì?*

*4. Những nội dung nào đã trình bày ở phần kết thúc của văn bản?*

*5. Khi viết văn bản tường trình cần chú ý điều gì?*

+ HS thực hiện nhiệm vụ

**- Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.

**- Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

*1/ Văn bản trên gồm: 3 phần*

*+* ***Mở đầu:*** *gồm các mục 1a, 1b,1c,1d,1đ*

*+* ***Nội dung:*** *gồm các mục 2a, 2b,2c,2d*

*+* ***Kết thúc:*** *gồm các mục 3a,3b,3c*

***2. Phần. mở đầu:***

* *Quốc hiệu tiêu ngữ*
* *Địa điểm, thời gian viết tường trình*
* *Tên văn bản và tóm tắt sự việc tường trình*
* *Người nhận*
* *Thông tin người viết.*

***3. Nội dung tường trình:***

*Thời gian, địa điểm, diễn biến sự việc…*

*Nguyên nhân của sự việc*

*Hậu quả của sự việc*

*Trách nhiệm của người viết tường trình.*

***4. Kết thúc:***

*Lời đề nghị và lời hứa của người viết.*

*Chữ ký và tên của người viết tường trình.*

***5. Khi viết văn bản tường trình cần lưu ý.***

*- Xác định đúng tình huống cần viết tường trình.*

*- Sử dụng từ ngữ chính xác, phù hợp.*

*- Đảm bảo cấu trúc bài văn ba phần.*

**3. Quy trình viết**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các bước viết văn bản tường trình

**b. Nội dung:** các bước viết văn bản tường trình

**c. Sản phẩm học tập:**  Kiến thức HS thu được và văn bản tường trình vừa tạo lập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS đọc kĩ Hướng dẫn quy trình viết trong SGK.

?*Hãy cho biết để viết văn bản tường trình cần thực hiện theo những bước nào?Hoàn thiện PHT*

**QUY TRÌNH VIẾT VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quy trình viết** | **Thao tác cần làm** | **Lưu ý** |
| *Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết* |  |  |
|  |
| *Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý* |  |  |
|  |
| *Bước 3: Viết bản tường trình* |  |  |
| *Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm* |  |  |
|  |

**- Thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

**- Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**QUY TRÌNH VIẾT VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quy trình viết** | **Thao tác cần làm** | **Lưu ý** |
| *Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết* | **Xác định đề tài**  *+ Đề tài của bài viết này là gì?*  **+ V***iết về nội dung gì?* | *Định hướng đề tài và phạm vi thu thập tư liệu cho bài viết* |
| **Thu thập tư liệu**  *+ Tìm tư liệu liên quan đến yc đặc điểm và hướng dẫn viết bản tường trình*  *+Đọc lại bài viết ở phần Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản*  *+ Nhớ lại những sự việc đã xảy ra tiến trình sự việc, hậu quả* |
| *Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý* | **Tìm ý**  + Tên văn bản  + Nội dung tường trình  + Trình tự diễn biến sự việc: nguyên nhân, hậu quả, trách nhiệm người viết, cam đoan/ hứa. | *Cần chú ý đến đặc trưng bố cục của văn bản* |
| **Lập dàn ý**  *Sắp xếp các ý theo trình tự bố cục của văn bản* |
| *Bước 3: Viết bản tường trình* | *Viết văn bản hoàn chỉnh theo dàn ý đã phác thảo* |
| *Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm* | *Xem lại và chỉnh sửa theo Bảng kiểm* | *Củng cố lại kiến thức về đặc trưng của kiểu bài viết bản tường trình* |
| **Rút kinh nghiệm**  *Rút ra kinh nghiệm thật sự có ý nghĩa với bản thân sau khi trải nghiệm viết văn bản tường trình* |

**Hoạt động 3: LUYỆN TẬP**

**1. Hoạt động chuẩn bị trước khi viết**

**a. Mục tiêu:** Xác định được mục đích, người đọc, đề tài và thu thập văn bản tường trình

**b. Nội dung:** thu thập tư liệu

**c. Sản phẩm học tập:** phần trả lời của hs và tư liệu thu thập được

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Chuyển giao nhiệm vụ**

*+ Hs đọc đề bài và yc thảo luận nhóm đôi trả lời các câu hỏi sau*

- **Đề tài:** Xác định nội dung, và kiểu bài viết:

*+ Đề tài của bài viết này là gì?*

**+** *Tôi muốn viết về nội dung gì?*

**+** *Kiểu bài này là gì?*

**- Mục đích viết:** Xác định mục đích giao tiếp:

**+** *Mục đích viết bài này là gì?***+** *Viết để thông báo hay để trình bày?*

**- Người đọc:** Xác định đối tượng giao tiếp:

**+** *Người đọc của tôi có thể là ai?*

**+** *Họ đã biết điều gì về vấn đề tôi định viết?*

**+** *Điều gì có thể làm họ quan tâm? Họ muốn biết thêm việc gì?*

Gv yc hs chuẩn bị tư liệu theo hướng dẫn

**- Thực hiện nhiệm vụ**

+ Nhóm đôi Hs thực hiện nhiệm vụ ở lớp

**- Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ Đại diện 1- 2 HS trả lời câu hỏi và trình bày tư liệu cá nhân đã thu thập được

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**2. Hoạt động viết**

**a. Mục tiêu:** Viết được văn bản tường trình

**b. Nội dung:** viết 1 văn bản tường trình theo nội dung đã chọn

**c. Sản phẩm học tập:** bản tường trình do hs viết

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Chuyển giao nhiệm vụ**

+ Gv yc hs nhóm đôi đọc kĩ bảng kiểm và nêu câu hỏi chưa rõ, những điểm cần điều chỉnh, bổ sung dựa trên những hiểu biết về đặc điểm của bản tường trình

**BẢNG KIỂM VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các phần của bài viết** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **Phần mở đầu** | Tên quốc hiệu: viết in hoa, ở trên cùng và giữa văn bản |  |  |
| Tiêu ngữ: viết chữ thường, canh giữa dưới quốc hiệu, chữ cái đầu của các cụm từ được viết hoa, giữa các cụm từ có gạch nối(-), ở giữa văn bản |  |  |
| Địa điểm, thời gian viết văn bản:đặt dưới quốc hiệu, tiêu ngữ và lùi sang phía bên phải của văn bản |  |  |
| Tên văn bản: viết chữ in hoa, cỡ chữ lớn hơn các chữ khác trong văn bản, ở giữa văn bản. |  |  |
| Dòng tóm tắt sự việc tường trình: viết chữ thường, dặt dưới tên văn bản, ở giữa văn bản |  |  |
| Trình bày thông tin về người nhận theo đúng quy cách |  |  |
| Trình bày một số thông tin cơ bản của người viết văn bản |  |  |
| **Nội dung tường trình** | Ghi rõ thời gian và địa điểm xảy ra sự việc |  |  |
| Xác định rõ tên của (những) người có liên quan (nếu có) |  |  |
| Nêu rõ nguyên nhân và hậu quả của sự việc (nếu có) |  |  |
| Xác định rõ người chịu trách nhiệm (nếu có) và trách nhiệm của người viết đối với sự việc. |  |  |
| **Phần kết thúc** | Nêu rõ (những) đề nghị (nếu cần thiết) |  |  |
| Nêu rõ lời cam đoan/ lời hứa |  |  |
| Có chữ ký và họ tên của người viết |  |  |

+ Gv yc cá nhân hs dựa trên hướng dẫn quy trình viết thực hiện viết bản tưởng trình

**- Thực hiện nhiệm vụ**

+ Hs thực hiện nhiệm vụ

**- Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ Đại diện 1- 2 nhóm HS trình bày kết quả

+ Hs trình bày bài viết theo hình thức nhóm 4- 6 hs

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ Gv nhận xét về mức độ hoàn thành nhiệm vụ

**3. Hoạt động xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm**

**3.1. Hoạt động xem lại, chỉnh sửa**

**a. Mục tiêu:** Biết cách xem lại và chỉnh sửa bài viết của bản thân

**b. Nội dung:** viết 1 văn bản tường trình theo nội dung đã chọn

**c. Sản phẩm học tập:** bản tường trình do hs viết

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Chuyển giao nhiệm vụ**

+ Hs dùng Bảng kiểm tự kiểu tra bài viết của mình và tự chỉnh sửa

+ Sau khi hs hoàn thành việc tự chỉnh sửa, Gv mời 1 số HS đọc bài viết trước lớp và mời các Hs khác nhận xét dựa trên Bảng kiểm

**- Thực hiện nhiệm vụ**

+ Nhóm 2 Hs thực hiện nhiệm vụ

+ Hs thực hiện nhiệm vụ với hình thức toàn lớp

**- Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ Hs trình bày bài viết theo hình thức nhóm 4- 6 hs

+ GV gọi hs nhận xét về bài viết của bạn dựa trên Bảng kiểm

**- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ Gv nhận xét về những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần chỉnh sửa

+ Cách nhận xét, đánh giá dựa trên Bảng kiểm

**3.2. Hoạt động rút kinh nghiệm**

**a. Mục tiêu:** rút ra được kinh nghiệm khi viết văn bản tường trình

**b. Nội dung:** kinh nghiệm viết 1 văn bản tường trình theo nội dung đã chọn

**c. Sản phẩm học tập:** những kinh nghiệm rút ra của hs về quy trình viết văn bản tường trình

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Chuyển giao nhiệm vụ**

Gv yêu cầu hs ghi lại những kinh nghiệm của bản thân sau khi viết văn bản tường trình

**- Thực hiện nhiệm vụ**

+ Hs ghi lại kinh nghiệm của bản thân

**- Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ 1- 2 Hs chia sẻ kinh nghiệm mà mình rút ra được

**- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ GV tổng kết, nhận xét, đánh giá

**Hoạt động 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

- Vận dụng được quy trình viết biên bản vào việc tạo lập văn bản

- Biết chủ động tích cực thực hiện công việc của bản thân trong học tập

**b. Nội dung:** tìm kiếm 1 bản tường trình và dùng Bảng kiểm để nhận xét

**c. Sản phẩm học tập:** bản tường trình được công bố của Hs

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Chuyển giao nhiệm vụ**

*? Tìm kiếm 1 bản tường trình bất kì trên internet, dùng bảng kiểm để nhận xét về bản tường trình ấy và đề xuất hướng chỉnh sửa*

**- Thực hiện nhiệm vụ**

+ Hs về nhà thực hiện nhiệm vụ

**- Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ Công bố sản phẩm trên zalo của lớp

**- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, đánh giá thái độ tích cực và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập

+ Gv và HS tiếp tục sử dụng Bảng kiểm trong sgk để xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm đối với sản phẩm được công bố